

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỘI AN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 172/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16/9/2020.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỘI AN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Tấn Hoàn.

2. Ông Phan Văn Liêu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ba, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông Trương Vũ Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị C, sinh năm 1982.

Địa chỉ: đường H, phường C, thành phố A, tỉnh Quảng Nam. (Có mặt).

- Bị đơn: Anh V, sinh năm 1980.

Địa chỉ: đường C, phường T, thành phố A, tỉnh Quảng Nam. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03.3.2020, bản trình bày ngày 09/5/2020, biên bản lấy lời khai ngày 13/7/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn, chị C trình bày:

Chị và anh V tìm hiểu nhau khoảng hai năm thì quyết định kết hôn. Anh chị kết hôn vào ngày 12/5/2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố A, tỉnh Quảng Nam. Hôn nhân hai bên đều trên cơ sở tự nguyện. Sau khi cưới, vợ chồng về sống tại gia đình chồng ở khối H, phường M, thành phố A, hạnh phúc được khoảng ba năm. Năm 2011, chị C mang thai đẻ con thứ hai và cả gia đình trở về sống với mẹ ruột chị tại đường H, phường C, thành phố A. Đến năm

2012, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh V ham mê cá độ bóng đá nên lâm vào cảnh nợ nần. Chị C đã khuyên bảo anh V và cho anh nhiều cơ hội để sửa đổi nhưng anh vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình đôi bên hòa giải nhiều lần. Chị C cũng đã gửi đơn xin ly hôn hai lần vào năm 2017, năm 2018 và đã được Tòa án hòa giải đoàn tụ. Tuy nhiên đến nay, anh V vẫn không hề thay đổi. Vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Anh chị đã tự ly thân, mỗi người sống mỗi nơi từ năm 2018 cho đến nay. Chị C xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên cương quyết xin ly hôn.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung:

- N, sinh ngày 04/7/2010.

- M, sinh ngày 29/4/2012.

Các con hiện nay đang sống cùng chị. Sau khi ly hôn, chị C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Chị C hiện đang làm kế toán tại Công ty X, thu nhập khoảng 8.000.000 đồng/ 1 tháng. Ngoài ra chị còn cho thuê mặt bằng khoảng 10.000.000 đồng/ 1 tháng. Chị có thể chăm sóc cho con cái về các mặt ăn uống, học hành..., đảm bảo cho con một cuộc sống ổn định như từ trước đến nay.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn, anh V không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết gửi Tòa án, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đầy đủ, các quy định của pháp luật, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do dù đã được tổng đạt hợp lệ. Vì vậy Tòa án tiếp tục xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị C được ly hôn với anh V. Về con chung, giao cháu N, sinh ngày 04/7/2010 và cháu M, sinh ngày 29/4/2012 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, anh V không cấp dưỡng nuôi con, anh V có quyền thăm nom con chung. Chị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị C khởi kiện yêu cầu xin ly hôn anh V; anh V hiện đang cư trú tại đường C, phường T, thành phố A, tỉnh Quảng Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Quảng Nam.

Trước khi mở phiên tòa, Tòa án đã tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh V. Tại phiên tòa, anh V vắng mặt, không có lý do. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố A căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh V kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố A vào ngày 12/5/2008 (số: 44, quyết số 13/2008) nên hôn nhân của họ là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh V ham mê cờ bạc dẫn đến nợ nần, bỏ bê gia đình. Mặc dù chị C và gia đình hai bên nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh V vẫn không thay đổi. Vợ chồng đã mỗi người sống mỗi nơi, không quan tâm đến cuộc sống của nhau kể từ năm 2018 cho đến nay. Chị C xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên cương quyết xin ly hôn. Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải, nhưng anh V đều cố tình vắng mặt, thể hiện anh không có thiện chí để hòa giải đoàn tụ gia đình. Chị C xác định không còn tình cảm với anh V và tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị C và anh V đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình

Về con chung: Chị C và anh V có hai con chung là N, sinh ngày 04/7/2010 và M, sinh ngày 29/4/2012. Chị C có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị C đã được giải thích về quy định của pháp luật đối với người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đến khi con thành niên nhưng chị vẫn không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Tại các văn bản ngày 09/5/2020, cháu N và cháu M đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử thấy giao con chung của vợ chồng cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con là đúng quy định và phù hợp với nguyện vọng của các cháu N và M.

Về tài sản chung: Chị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị C phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 và Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1) Về Quan hệ hôn nhân: Cho chị C được ly hôn anh V.

2) Về con chung: có 02 chung.

- N, sinh ngày 04/7/2010.

- M, sinh ngày 29/4/2012.

Giao cả hai con cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh V không cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh V có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3) Án phí Hôn nhân - gia đình sơ thẩm: Chị C phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0010027 ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố A, tỉnh Quảng Nam.

Chị C đã nộp đủ án phí.

Chị C có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án (16/9/2020). Anh V có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thành phố Hội An;
- Chi cục THA DS thành phố Hội An;
- UBND phường Cẩm Châu, TP Hội An
(Số: 44, quyền số: 13, ngày 12/5/2008);
- Thành phần tham gia tố tụng;
- Lưu HS, án văn.

HUỲNH THỊ BÍCH HÀ